

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19/8/2019
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Khánh Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Lớn**

Ông **Nguyễn Chung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hà Tuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:

Bà **Đào Khánh Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **128/2019/TLST-HNGĐ** ngày **16** tháng **4** năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **41/2019/QĐXX-HNGĐ** ngày **12/7/2019** và **Quyết định hoãn phiên tòa** số **35/2019/QĐST-HNGĐ** ngày **31/7/2019** giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Huỳnh Đan V** - sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Tường A** - sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Đan V trình bày:

Bà và ông Phạm Tường A tự nguyện kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/2014, quyền số 01/2014, cấp ngày 08/9/2014. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy mâu thuẫn do ông A thường xuyên cờ bạc, dẫn đến nợ nần. Bà đã nhiều lần trả nợ cho ông A, đồng thời khuyên can nhưng ông A vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Bà và ông A đã không sống chung từ tháng 09/2018 cho đến nay. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống với nhau nên bà xin ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà và ông An có 01 con chung là Phạm Quỳnh L – sinh ngày 25/7/2015. Vì con chung còn nhỏ, hiện đang sống với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phạm Tường A: Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã tiến hành thực hiện các thủ tục triệu tập, xác minh và tổng đạt hợp lệ để lấy lời khai theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông A không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Huỳnh Đan V nên Tòa án đưa vụ án ra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự quy định trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Cuộc sống hôn nhân của bà Nguyễn Huỳnh Đan V và ông Phạm Tường A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Vy là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ theo quy định tại Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 01 con chung là Phạm Quỳnh L – sinh ngày 25/7/2015 cho bà Nguyễn Huỳnh Đan V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Huỳnh Đan V không yêu cầu ông Phạm Tường A cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Ông Phạm Tường A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Huỳnh Đan V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Huỳnh Đan V xin ly hôn ông Phạm Tường A, yêu cầu giải quyết con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Tường A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Tường A.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Huỳnh Đan V và ông Phạm Tường A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2014, quyền số 01/2014, ngày 08/9/2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn bà V thì mâu thuẫn gia đình phát sinh do ông A thường xuyên cờ bạc, nợ nần, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà V và ông A đã sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay.

Xác minh quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng bà V và ông A có xảy ra mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không rõ. Hiện nay, bà V không còn chung sống với ông A tại địa phương. Bị đơn ông A đã được Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải nhưng vẫn vắng mặt, thể hiện ông A cũng không muốn hòa giải, hàn gắn cuộc sống gia đình với bà V.

Có thể thấy, đời sống chung của vợ chồng bà V và ông A không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V. Bà V được ly hôn với ông A.

[2.2] Về con chung: Bà V và ông A có 01 con chung là Phạm Quỳnh L – sinh ngày 25/7/2015. Xét thấy, từ khi vợ chồng bà V và ông A không còn chung sống với nhau thì cháu Lam do bà Vy chăm sóc. Bên cạnh đó, con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bà V không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Huỳnh Đan V phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Đan V. Bà Nguyễn Huỳnh Đan V được ly hôn với ông Phạm Tường A.

Về con chung: Giao 01 con chung là Phạm Quỳnh L - sinh ngày 25/7/2015 cho bà Nguyễn Huỳnh Đan V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Huỳnh Đan V không yêu cầu ông Phạm Tường A cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Ông Phạm Tường A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Huỳnh Đan V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Huỳnh Đan V phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà V đã nộp theo biên lai số AA/2018/0006389 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Như vậy, bà V đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Báo cho nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Đan V biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm Tường A vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã N;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Khánh Hà